

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT GIA LỘC GROUP HỘI QUÁN BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT NAM

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT GIA LỘC GROUP HỘI QUÁN BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM REAL ESTATE ASSOCIATION CAT GIA LOC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CAT GIA LOC GROUP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703055223

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2022

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 54 Phạm Ngũ Lão, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0583.333.633

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất.                                                                                                                                                                                      | 4330     |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn xe ô tô, xe máy.                                                                                                                                                                                  | 4511     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa).                                                                                                                                                           | 4610     |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                              | 4631     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn rau, quả; bán buôn cà phê; bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.                                            | 4632     |
| 6.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: bán buôn bia, nước ngọt và nước giải khát.                                                                                                                                                                                    | 4633     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị, máy móc ngành công nghiệp, dầu khí, hàng hải, xây dựng, y tế, trang thiết bị vệ sinh công nghiệp.                                                                           | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu, khí công nghiệp và các sản phẩm liên quan.                                                                                                          | 4661        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hoá chất. (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông).                                                                                                          | 4669        |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất.                                                                                                                 | 6820(Chính) |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe máy. xe có động cơ khác.                                                                                                                                                                | 7710        |
| 15. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: Chế biến gỗ, gia công gỗ.                                                                                                                                                                            | 1610        |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                | 1621        |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                          | 1622        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.                                                                                                              | 1629        |
| 19. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                            | 1811        |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                         | 1812        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.                                                                                                                                              | 4932        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                   | 4933        |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.                                                                                                                          | 5510        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: kinh doanh nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).                                                                                             | 5610        |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                         | 5621        |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: phục vụ đồ uống cho quán cà phê, quán giải khát (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).                                                                                                                 | 5630        |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển, cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển. | 7730        |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                   | 7911        |
| 29. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                            | 7912        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7990 |
| 31. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3100 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101 |
| 33. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4102 |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299 |
| 35. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4752 |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh; Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4759 |
| 39. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4761 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐỖ HỮU THÁI              | Khu phố Phước<br>Long, Thị trấn<br>Long Thành,<br>Huyện Long<br>Thành, Tỉnh<br>Đồng Nai, Việt<br>Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       | 271034014                                                                                                              |            |
|     |                          |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Tổng số                            | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>NGỌC<br>NGUYỄN | Số 13/01 Dương<br>Đình Nghệ,<br>Phường Tân Sơn,<br>Thành phố Thanh<br>Hoá, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 0380840112<br>61                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                        | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                                      |                                    |        |             |        |                  |
|---|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN THỊ<br>BÍCH NGỌC | Khu phố Hải Lộc,<br>Thị trấn Long<br>Hải, Huyện Long<br>Điền, Tỉnh Bà Rịa<br>- Vũng Tàu, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 | 0771900037<br>18 |
|   |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                      | Tổng số                            | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                      |                                    |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/04/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038084011261

Ngày cấp: 05/01/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ thường trú: Số 13/01 Dương Đình Nghệ, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 13/01 Dương Đình Nghệ, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

\* Họ và tên: TRẦN THỊ BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 29/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077190003718

Ngày cấp: 04/08/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: *Khu phố Hải Lộc, Thị trấn Long Hải, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố Hải Lộc, Thị trấn Long Hải, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương